

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2018

Về việc: *Ttranh chấp xin ly hôn và nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Nải**

2. Ông **Lưu Quốc Khánh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2018 giữa các đương sự:

NgU đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1996 (*Có mặt*)

Nơi đăng ký hộ khẩu: Ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1987 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2018 và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, ngU đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau khi cưới chị và anh D chung sống hạnh phúc nhưng thời gian khoảng hơn 02 tháng nay thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh D không quan tâm, chăm sóc chị, tính tình khó khăn, lối sống gia trưởng, không nghe ai luôn luôn nghĩ mình là đúng, quản lý tiền bạc, không tôn trọng chị và gia đình chị. Do đó chị và anh D đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Trong thời gian ly thân

đến nay anh D thường qua thăm con nhưng vợ chồng thường xU cự cãi không có tiếng nói chung. Chị N xác định không còn tình cảm, không muốn gắn bó chung sống với anh D nữa, chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân nhạt nhẽo, không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

-Về con chung: Chị N xác định quá trình chung sống chị và anh D có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 02/7/2017. Khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định vợ chồng chị không có nợ chung. Về tài sản chung chị không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết, vợ chồng chị tự thỏa thuận.

Ngoài ra chị N không còn yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2018 bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh D thống nhất với ý kiến trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh D thừa nhận anh có lớn tiếng với vợ anh, ít quan tâm đến vợ nhưng anh vẫn còn thương vợ và con nên anh không đồng ý ly hôn với chị N. Nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Xét thấy vào năm 2016 chị N và anh D có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 16/3/2016. Chị N xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh D tính tình khó khăn, gia trưởng, không quan tâm chăm sóc vợ con, quản lý tiền bạc, không tôn trọng chị và gia đình chị từ đó cuộc sống hôn nhân nhạt nhẽo, không hoà hợp, không hạnh phúc và anh chị đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh D. Về phía anh D thừa nhận có lớn tiếng với chị N khi còn chung sống, ít quan tâm vợ con nhưng anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn. Qua xác minh của Tòa án đối với một số cán bộ ấp B, xã L thì những cán bộ này xác định chị N và anh D có mâu thuẫn do anh D có lối sống ích kỷ, khó khăn, tính toán nhỏ nhặt, cuộc sống không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân với nhau. Từ đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của chị N và anh D đã thiếu sự hoà hợp, hiện tại chị N xác định chị không còn yêu thương anh D, không muốn sống chung với anh D nữa nên mục đích hôn nhân không đạt được do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Chị N và anh D thống nhất xác định có với nhau 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 02/7/2017. Xét thấy, hiện tại cháu Nguyễn Ngọc Nhã U tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu chỉ mới hơn 13 tháng tuổi nên theo quy

định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng....hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Cháu U đang sống với chị N đến ngày 12/9/2018 anh D đến đem cháu U về khi không có sự đồng ý của chị N nên cần buộc anh D có trách nhiệm giao trả cháu U cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, anh D có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Tại đơn khởi kiện chị N có yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2018 chị N thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên cần ghi nhận và không buộc anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N và anh D thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh D. Chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị N, buộc anh D có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 02/7/2017 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung không đặt ra xem xét do các bên không yêu cầu. Ngoài ra chị N còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được quyền nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Văn D. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã L, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Xét về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D là phù hợp.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn D, thấy rằng: Chị N và anh D có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào ngày 16/3/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn chị N và anh D đã ly thân với nhau hơn 03 tháng nay. Chị N xác định anh D tính tình khó khăn, gia trưởng, không quan tâm chăm sóc vợ con, quản lý tiền bạc, không tôn trọng chị và gia đình chị từ đó chị thấy cuộc sống hôn nhân nhạt nhẽo, không hòa hợp, không hạnh phúc. Anh D thừa nhận có lần anh lớn tiếng với chị N, ít có thời gian quan tâm vợ mình nhưng anh cho rằng anh còn thương vợ và

con nên anh không đồng ý ly hôn với chị N. Tại phiên tòa chị N xác định không còn tình cảm yêu thương với anh D, chị N kiên quyết xin ly hôn với anh D nên Tòa án phải xem xét tình trạng hôn nhân của hai bên có thật sự đến mức trầm trọng phải ly hôn hay không. Qua xác minh đối với ông Trần Văn M là trưởng ấp B, bà Lê Mỹ H là cán bộ phụ nữ ấp B và ông Bùi Quang B, ông Phan Văn T là những người ở gần nhà nơi chị N và anh D lúc còn chung sống thì được ông M, ông B, bà N, ông T cho biết, khi còn sống chung chị N và anh D có phát sinh mâu thuẫn do anh D có lối sống ích kỷ, khó khăn, tính toán nhỏ nhặt, cuộc sống khép kín thường xuyên bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc và họ đã ly thân với nhau. Từ đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của chị N và anh D đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, giữa hai người thiếu sự hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù anh D cho rằng vẫn còn thương vợ thương con, nhưng hành vi lén lút đem cháu Nhã U về nhà mình sống của anh D cho thấy anh đang tạo áp lực với vợ mình, làm chị N càng thêm tổn thương do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn D là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị N và anh D thống nhất xác định anh chị có chung với nhau một người con tên Nguyễn Ngọc Nhã U, sinh ngày 02/7/2017, cả chị N và anh D đều có yêu cầu được nuôi cháu Nhã U nếu ly hôn, không thỏa thuận được ai nuôi con khi ly hôn. Cháu Nhã U sống với chị N cho đến ngày 12/9/2018 thì anh D đã lén lút, lợi dụng sơ hở của chị N đem cháu U về nhà của anh ở ấp B, xã L đến nay khi chưa có sự đồng ý của chị N. Chị N đã báo chính quyền và đã lập biên bản về sự việc nêu trên. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng....hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Nhã U chỉ mới hơn 13 tháng tuổi, cháu còn đang bú mẹ nhưng vào ngày 12/9/2018 anh D đến đem cháu U về nuôi nên cần buộc anh D có trách nhiệm giao trả cháu U cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D không trực tiếp nuôi con nhưng anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh D thống nhất xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung. Về tài sản chung chị N và anh D thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng. Anh Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn D. Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2016 giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn D do Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 16/3/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

- Buộc anh Nguyễn Văn D giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu.

- Anh có Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị Hồng N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005812 ngày 05/07/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay được chuyển thu án phí.

Anh Nguyễn Văn D không phải chịu án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm hôn nhân và gia đình công khai có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn D. Báo cho chị Nguyễn Thị Hồng N biết là chị có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Riêng đối với anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Hồng Dân (2b);
- CC.THADS huyện Hồng Dân (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

(Đã ký)

Trần Văn Bình